

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/7/2022

V/v “TrA chấp ly hôn”

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Nguyên.

Ông Lê Quốc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 07 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh AG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 129/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 03 năm 2022 về việc “TrA chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 05 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 199/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/06/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trâm A, sinh năm 2001.

Địa chỉ: tổ 6, ấp Mỹ Long 2, xã MHH, thành phố LX, tỉnh AG. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1997.

Địa chỉ: tổ 6, ấp Mỹ Long 2, xã MHH, thành phố LX, tỉnh AG. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 03 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà Nguyễn Thị A và ông Phạm Văn L tự quen biết, tìm hiểu sau đó kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MHH, thành phố LX, tỉnh AG theo giấy trích lục kết hôn số 742/TLKH-BS ngày 08/11/2021 do Ủy ban nhân dân xã MHH, thành phố LX thực hiện trích lục từ sổ đăng ký kết hôn số 152, ngày 25/11/2019 chứng nhận bà A và ông L là vợ chồng

hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, bà A không còn yêu thương gì đối với ông L, nên yêu cầu Tòa án xem xét cho bà được ly hôn với ông L.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng giữa bà A và ông L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông L tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Văn L vắng mặt, không có ý kiến trình bày, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông L vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến, tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật trA chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa. Đối với nguyên đơn bà A có mặt tại phiên tòa. Riêng bị đơn ông L vắng mặt không đến Tòa án giải quyết là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của ông và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có trong hồ sơ vụ án xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông L tự quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MHH ngày 25/11/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ năm 2020 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, bà A kiên quyết xin ly hôn với ông L mặc dù được Tòa án tạo điều kiện hòa giải. Riêng đối với ông L mặc dù biết bà A xin ly hôn sau khi đã được niêm yết các văn bản tố tụng tại nhà nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu của bà A, cho thấy ông L không có quan tâm đến việc hàn gắn gia đình với bà A. Xét thấy, hiện tại mục đích của hôn nhân giữa bà A, ông L là không đạt được, không thể tiếp tục thực hiện tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, bà A yêu cầu ly hôn với ông L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà A và ông L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung không giải quyết.

Về án phí, nguyên đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, bị đơn không chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Trâm A và ông Phạm Văn L có đăng ký kết hôn theo trích lục kết hôn (bản sao) số 742/TLKH-BS ngày 08/11/2021 do Ủy ban nhân dân xã MHH, thành phố LX, tỉnh AG cấp. Bà A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông L; ông L cư trú tại ấp Mỹ Long 2, xã MHH, thành phố LX, tỉnh AG nên căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật traA chấp giữa bà A và ông L là “TrA chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh AG.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa bà Nguyễn Thị Trâm A có mặt, ông Phạm Văn L vắng mặt, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông L không đến Tòa và vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông L.

[3] Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Trâm A và ông Phạm Văn L trên cơ sở tự nguyện của cả hai, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MHH, thành phố LX, tỉnh AG theo trích lục kết hôn (bản sao) số 742/TLKH-BS ngày 08/11/2021 được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay, bà A và ông L phát sinh mâu thuẫn, bà A xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Nguyên nhân, do ông L không quan tâm chăm sóc, chia sẻ khó khăn trong gia đình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Trong thời gian sống chung bà A luôn tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông L.

[5] Xét, hôn nhân giữa bà A và ông L mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Hiện nay, bà A không còn tình cảm với ông L, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn trong cuộc sống và chăm lo hạnh phúc gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2020. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, ông L vắng mặt, không trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà A tức là ông

đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của ông đã được pháp luật quy định nên không có căn cứ xét yêu cầu của ông L. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà A được ly hôn với ông L.

[6] Về quan hệ con chung: Bà A và ông L không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A xác định giữa bà và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông L cũng không có ý kiến cung cấp cho Tòa án về vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà A nộp tiền án phí 300.000đ, trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0001096, ngày 25/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX là phù hợp theo quy định pháp luật, bà A đã nộp đủ, ông L không nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 8, 9, 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 179, 227, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trâm A được ly hôn với ông Phạm Văn L.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Trâm A và ông Phạm Văn L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Trâm A và ông Phạm Văn L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Trâm A nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001096 ngày 25 tháng 03 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố LX, tỉnh AG.

Bà Nguyễn Thị Trâm A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Phạm Văn L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của ông L.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND-TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phương